

**TAND HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:/2025/HNGĐ.

Ngày 04/4/2025

Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Huy Phương và ông Đặng Thái Dìn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 04 năm 2025, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 206/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025.

Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị K - Sinh năm 1989

HKTT: Thôn An Tâm, xã Cẩm Tâm, huyện CT, tỉnh TH

Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T - sinh năm 1989

HKTT: Thôn An Tâm, Xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt tại phiên tòa- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị K trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 2 năm 2012 tại UBND xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh T một thời gian rồi vợ chồng vào miền Nam làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Chị

đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị K và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thảo Lê, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Bùi Văn Đại Lợi, sinh ngày 03/08/2019.

Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị K có nguyện vọng giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị K tự nguyện thực hiện.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị K làm đơn xin ly hôn anh T không có mặt ở nhà. Anh T đang đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương. Trước đây cả hai vợ chồng cùng con cái đi làm ăn trong đó nhưng do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị K bỏ về quê.

Do vậy Tòa án đã làm việc với ông Bùi Văn Hóa (bố đẻ anh T) để tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án anh T đã có đơn đề nghị từ chối hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi về cho ông Hóa để giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy. Về hôn nhân anh T nhất trí ly hôn với chị K. Về con chung anh T xác nhận anh và chị K có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thảo Lê, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Bùi Đại Lợi, sinh ngày 03/08/2019. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng đối với anh T gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 BLTTDS. Căn cứ các Điều: 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Xử cho chị K được ly hôn anh T; Giao 02 cháu Bùi Thị Thảo Lê, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Bùi Văn Đại Lợi, sinh ngày 03/08/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị K làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn An Tâm, xã Cẩm Tâm, huyện CT, tỉnh TH. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TH theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh T hiện tại không có mặt tại địa phương. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định theo quy định của pháp luật. Anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về Hôn nhân: Chị K và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy ngày 6 tháng 02 năm 2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cũng từ năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Trương Thị K được ly hôn anh Bùi Văn T là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị K và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thảo Lê, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Bùi Văn Đại Lợi, sinh ngày 03/08/2019.

Chị K có nguyện vọng giao cả hai cháu Bùi Thị Thảo Lê và Bùi Văn Đại Lợi cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị tự nguyện thực hiện. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bùi Thị Thảo Lê và cháu Bùi Văn Đại Lợi đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Bùi Thị Thảo Lê cũng có đơn nguyện vọng xin được ở với anh T.

Vì vậy giao cháu Bùi Thị Thảo Lê và cháu Bùi Văn Đại Lợi cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng sẽ do chị K tự nguyện thực hiện.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273BLTTDS; Các Điều: 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị K. Xử cho chị Trương Thị K được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Thảo Lê, sinh ngày 11/5/2013 và cháu Bùi Văn Đại Lợi, sinh ngày 03/08/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không yêu cầu chị Khuyên cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị K tự nguyện thực hiện.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị K và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 0005114 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị K đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Huy Phương

Đặng Thái Dìn

Nguyễn Trọng Sơn

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn